

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	395.45 ↓	-2.26	-0.57%
KLGD (triệu ck)	34.21 ↓	-1.09	-3.08%
GTGD (tỷ đồng)	489.98 ↑	14.67	3.09%
Tổng cung (triệu ck)	115.27 ↑	61.63	114.92%
Tổng cầu (triệu ck)	121.50 ↑	57.46	89.72%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.39 ↑	0.34	16.39%
KL bán (triệu ck)	1.49 ↑	0.11	8.11%
Giá trị mua (tỷ đồng)	76.54 ↑	27.29	55.40%
Giá trị bán (tỷ đồng)	59.33 ↑	19.98	50.77%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	411	**
Kháng cự 2		
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	380	**
Hỗ trợ 2	350	***
Hỗ trợ 3		
* Yếu		
** Trung Bình		
*** Mạnh		
**** Rất mạnh		

Công Ty CPOCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Tin đáng chú ý:

Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (HNX: PVX) công bố báo cáo tài chính công ty mẹ quý 3/2012 với mức lỗ ròng 47.9 tỷ đồng, nâng mức lỗ 9 tháng lên 546 tỷ đồng. Doanh thu thuần quý 3 của PVX tiếp tục trượt dài với mức giảm tới 75% so cùng kỳ, còn 152 tỷ đồng. Trong khi đó, giá vốn chiếm tới 155 tỷ đồng, khiến lãi gộp âm 3 tỷ đồng. Thêm vào đó, lãi vay tiếp tục là gánh nặng của PVX khiến hoạt động tài chính kỳ này âm 9.4 tỷ đồng.

Nhận định thị trường:

CPI tháng 10 của cả nước được công bố với mức tăng 0,85% so với tháng 9. Thông tin này mặc dù nằm trong các dự báo trước đó là CPI các tháng cuối năm tăng bình quân 1%/tháng, tuy nhiên vẫn tạo ra sự bất ngờ do mức chênh lệch quá cao so với CPI tại 2 thành phố lớn là Hà Nội và tp. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, sau khi CPI đã tăng mạnh tới 2,2% trong tháng 9 thì việc tiếp tục tăng hơn 0,8% trong tháng 10 cũng là yếu tố tiếp tục tạo nên quan ngại về lạm phát các tháng cuối năm. Theo yếu tố chu kỳ thì những tháng còn lại áp lực tăng lên lạm phát có xu hướng gia tăng dần.

Phiên giao dịch hôm nay thị trường có phản ứng tương đối nhạy với thông tin CPI của cả nước. Mặc dù cuối phiên đã giảm trên hai sàn đã được thu hẹp lại tuy nhiên thanh khoản khớp lệnh toàn thị trường vẫn tiếp tục giảm nhẹ và duy trì trong vùng thấp. Với sự thận trọng của dòng tiền tham gia thị trường như hiện tại thì cơ hội phục hồi mạnh của chỉ số hai sàn không có nhiều. Theo đó trạng thái dao động hẹp có khả năng sẽ vẫn còn tiếp diễn.

HNX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	54.25 ↓	-0.31	-0.57%
KLGD (triệu ck)	17.64 ↓	-0.54	-2.97%
GTGD (tỷ đồng)	117.84 ↓	-8.33	-6.61%
Tổng cung (triệu ck)	40.66 ↑	6.82	20.16%
Tổng cầu (triệu ck)	34.54 ↓	-6.83	-16.51%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.34 ↓	-0.18	-34.83%
KL bán (triệu ck)	0.41 ↓	-0.18	-30.60%
Giá trị mua (tỷ đồng)	3.46 ↓	-0.94	-21.30%
Giá trị bán (tỷ đồng)	5.09 ↓	-0.59	-10.43%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	57	**
Kháng cự 2	vùng 60 - 62	***
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	54	*
Hỗ trợ 2	vùng 51 điểm	**
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	27,879,960
Bình quân 25 phiên	24,603,048
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	15,358,600
Phiên gần nhất	17,518,700

Nhận định thị trường:



Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kĩ thuật:

Thông tin CPI cả nước được công bố ở mức tăng 0,85% so với tháng 9, chênh lệch quá lớn so với mức tăng CPI của 2 thành phố lớn là Hà Nội và tp Hồ Chí Minh có khả năng là yếu tố tác động mạnh tới tâm lý thị trường.

Thanh khoản HNX-Index chỉ đạt hơn 17,5 triệu đơn vị cổ phiếu trong phiên hôm nay, tiếp tục duy trì mức thấp kỉ lục. Các dao động của HNX-Index quanh vùng 54 điểm sẽ không có nhiều ý nghĩa khi thanh khoản thị trường đã ở vùng cạn kiệt.

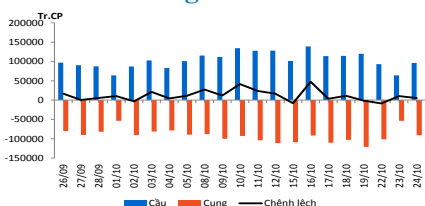
Sự xuất hiện bất ngờ của những phiên phục hồi tại vùng 54 điểm là điều hoàn toàn có thể xảy ra, tuy nhiên HNX-Index vẫn hàm chứa một rủi ro tương đối cao nếu như thanh khoản không có sự cải thiện. Các dấu hiệu kĩ thuật chủ yếu thể hiện sự tiêu cực ở trên các công cụ dòng tiền. Ngay cả những cổ phiếu beta cao cũng đã rơi vào trạng thái giằng co do thiếu cung cầu.

Các phiên phục hồi nếu có xuất hiện sẽ là cơ hội tốt để NĐT giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục ngắn hạn.

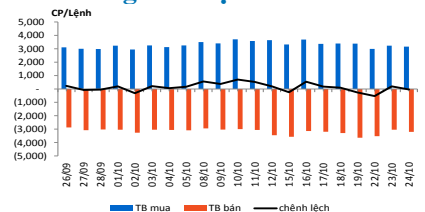
HSX:

Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

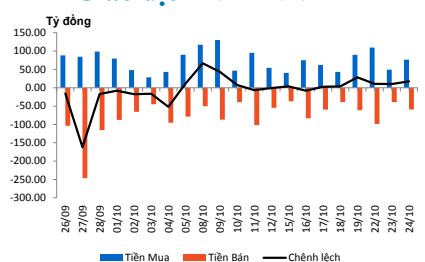
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



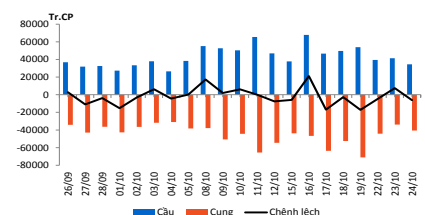
Vn-Index đầu giờ tăng 0,27 điểm. Nhóm cổ phiếu bluechips hầu hết đều tăng điểm, nhưng mức tăng không lớn, BVH, HSG tăng 200 đồng, ITA đứng giá 4.500 đồng/cp, DRC, HAG tăng 300 đồng, VCB, SSI, OGC tăng nhẹ 100 -200 đồng... Hôm qua EIB và STB thỏa thuận khối lượng lớn, sáng nay cả 2 cổ phiếu đều đứng giá. PGD đang bị bán mạnh, dư bán sàn hơn 395 nghìn cp, xuống 32.700 đồng/cp, PGD vừa công bố kết quả kinh doanh quý 3 lỗ 225,9 tỷ đồng do giá vốn hàng bán tăng mạnh (1.596 tỷ/doanh thu thuần 1.410 tỷ). Lũy kế 9 tháng PGD vẫn lãi 157,3 tỷ đồng. Kết phiên sáng, VN-Index tăng 0,97 điểm lên 397,87 điểm (+0,22%).

Cuối phiên, VN-Index tăng 0,71 điểm lên 397,7 điểm (+0,18%) khi số mã tăng giá cuối phiên lên đến 115 mã trong khi số mã giảm giá ở mức 95 mã. KLGD giảm mạnh trong phiên này, đạt 35,3 triệu cổ phiếu, tương đương 475 tỷ đồng trong đó giao dịch thỏa thuận đã lên tới 195 tỷ. EIB phiên này thỏa thuận 8,77 triệu cổ phiếu, đạt giá trị gần 145 tỷ đồng. Tại nhóm Vn30, GMD tăng trần cuối phiên nhưng chỉ khớp 1 lô 10 cổ phiếu, ITA giảm sàn xuống 4.300 đồng/cp, khớp lệnh 4,8 triệu đơn vị, HPG tăng 400 đồng, HSG tăng 600 đồng, MBB, MSN, HAG, EIB, FPT, STB, VNM đứng giá đồng loạt. Tại nhóm penny, khá nhiều cổ phiếu tăng trần cuối phiên, đa phần thuộc nhóm khoáng sản như BGM, KSS, KSA, KTB, hoặc các cổ phiếu beta cao như HQC, LCM, LGC, JVC... Các mã giảm sàn có KMR, DLG, HDG, HLA...

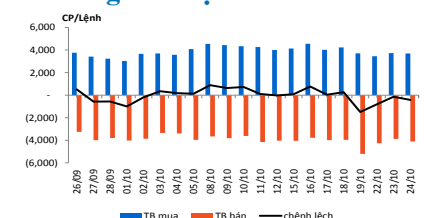
HNX:

Diễn biến thị trường Hà Nội:

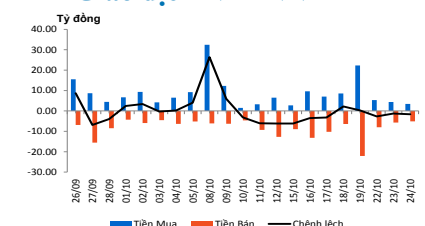
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Hôm qua HNX công bố danh sách các cổ phiếu HNX30 mới áp dụng từ 1/11/2012 trong đó 5 cổ phiếu bị loại ra khỏi rổ là SDH, SD9, PFL, QNC và SDU. Các mã này đều đứng giá, duy nhất SDH tăng 100 đồng. 5 cổ phiếu được đưa vào rổ là LAS, PVV, PVE, PV2 và BCC. HNX-Index tăng 0,16 điểm lên 54,51 điểm (+0,29%) sau 15 phút giao dịch.

Kết phiên sáng, tại sàn Hà Nội, PFL, SDH ra khỏi HNX30, sáng nay bị bán sàn xuống 2.300 đồng/cp và 3.300 đồng/cp, VND, BVS, PVX, SCR tăng nhẹ 100 đồng còn đa phần các mã khác đứng giá. PVV, PV2 được vào rổ HNX30, tăng trần và không có dư bán, LAS, BCC, PVE đứng giá. HNX-Index giảm 0,11 điểm xuống 54,24 điểm (-0,2%).

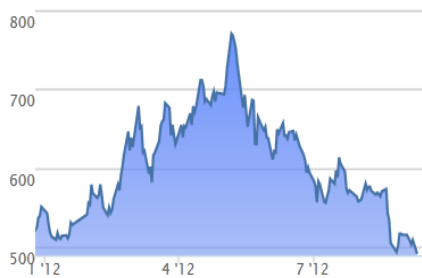
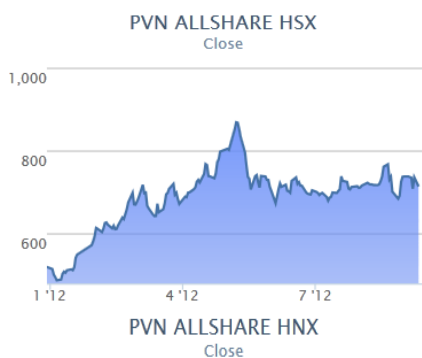
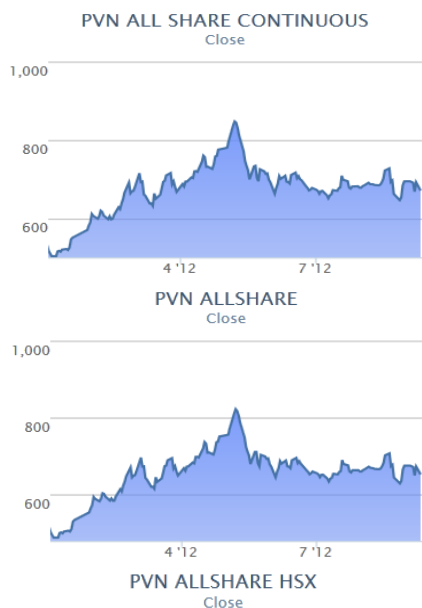
Cuối phiên giao dịch, Tại sàn Hà Nội, HNX-Index cuối phiên tăng nhẹ 0,21 điểm lên 54,56 điểm. PVX, PVS, QNC, SCR, VND, VCG tăng nhẹ 100 đồng, ACB, KLS, BVS tăng nhẹ. KLGD sàn Hà Nội xuống rất thấp, đạt 18 triệu cp, tương đương 126 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	700.63	↓ -3.17	↓ -0.45
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	657.05	↓ -3.26	↓ -0.49
PVN ALLSHARE	639.22	↓ -3.12	↓ -0.49
PVN ALLSHARE HNX	483.69	↓ -1.66	↓ -0.34
PVN ALLSHARE HSX	699.04	↓ -3.59	↓ -0.51
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1040.58	↔ 0	↔ 0
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	788.73	↓ -14.08	↓ -1.75
PVN Tài Chính	444.43	↓ -2.21	↓ -0.49
PVN Công Nghiệp	304.2	↓ -5.97	↓ -1.92
PVN Dầu Khí	643.84	↓ -2.78	↓ -0.43
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	613.46	↓ -28.15	↓ -4.39

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận				
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY	
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 9 mã cổ phiếu đứng giá, 3 cổ phiếu tăng giá và 16 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1.21% và tổng khối lượng giao dịch đạt 5,353 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 24/10:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	4,200.0	900	↑ 5.00	0.37	11.35	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,600.0	21,700	↓ -3.70	0.26	23.64	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	2,300.0	164,200	↓ -4.17	0.13	0.23	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,300.0	349,900	↓ -0.57	1.42	1.15	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,200.0	128,200	↓ -3.16	0.85	5.82	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,700.0	-	→ 0.00	0.43	2.60	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	3,700.0	18,725	↓ -2.63	0.37	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,600.0	56,200	→ 0.00	0.75	1.88	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	8,900.0	9,200	→ 0.00	1.56	4.06	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	8,400.0	45,300	→ 0.00	0.54	6.04	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,600.0	28,735	↑ 0.65	0.67	7.88	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,500.0	1,000	↓ -2.78	0.34	1.64	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,200.0	176,815	→ 0.00	1.28	4.06	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4,400.0	1,992,649	↓ -2.22	0.19	1.65	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,800.0	53,520	↓ -0.50	3.21	12.76	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	35,900.0	381,610	→ 0.00	2.15	5.80	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	23,900.0	5,000	↓ -0.83	1.10	2.91	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,200.0	45,880	↓ -4.62	0.53	4.53	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,200.0	38,870	↓ -1.75	0.64	2.76	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	31,100.0	813,520	↓ -4.89	1.52	4.39	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2,300.0	272,020	↑ 4.55	0.22	1.78	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,000.0	28,030	→ 0.00	1.18	6.88	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	7,500.0	296,350	↓ -1.32	0.66	9.49	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,000.0	174,100	→ 0.00	0.41	36.36	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,000.0	18,650	→ 0.00	0.38	2.67	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2,400.0	8,600	↓ -4.00	0.22	1.25	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	8,600.0	222,150	↓ -4.44	0.65	2.58	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,000.0	2,120	↓ -2.44	0.37	2.63	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PGD	32,700	31,100	-4.89	25,350,160
VNM	136,000	133,000	-2.21	58,432,630
LCM	15,700	16,400	4.46	14,386,734
DPM	35,900	35,900	0.00	13,722,085
STB	19,500	19,500	0.00	10,275,724

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SCR	6,100	5,900	-3.28	12,391
FLC	7,600	7,100	-6.58	11,509
ACB	15,700	15,800	0.64	10,388
VND	8,800	8,600	-2.27	8,920
PVX	4,500	4,400	-2.22	8,792

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	800	900	100	12.50
VHC	32,900	34,500	1,600	4.86
VTB	6,200	6,500	300	4.84
NSC	41,500	43,500	2,000	4.82
CMV	14,800	15,500	700	4.73

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PSG	1,100	1,200	100	9.09
DST	2,900	3,100	200	6.90
PHS	2,900	3,100	200	6.90
TV4	7,400	7,900	500	6.76
VDL	35,800	38,200	2,400	6.70

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DDM	1,500	1,400	-100	-6.67
VES	1,500	1,400	-100	-6.67
CYC	2,000	1,900	-100	-5.00
CMG	4,000	3,800	-200	-5.00
BGM	4,000	3,800	-200	-5.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SDJ	1,400	1,300	-100	-7.14
VCV	2,900	2,700	-200	-6.90
NBP	16,000	14,900	-1,100	-6.88
VHL	16,300	15,200	-1,100	-6.75
PVL	3,000	2,800	-200	-6.67

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	36,953	VNM	36,920
DPM	4,605	DPM	6,014
VIC	2,846	PGD	3,673
SSI	2,720	STB	3,320
GMD	2,615	KDC	3,219

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
LAS	629	AAA	1,028
PVS	582	VNR	871
VCG	534	SDT	615
PVX	300	PVS	345
KLS	233	KLS	312

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339